TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TL** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST Ngày: 19 - 02 - 2025 V/v "Tranh chấp ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Ngọc Diễm

Các Hội thẩm Nhân Dân:

1. Ông Lê Hoàng Long

2. Ông Lý Hồng Hạnh

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Thư ký Tòa án Nhân Dân huyện TL.

- *Đại diện Viện kiểm sát Nhân Dân huyện TL, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Phạm Văn Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án Nhân Dân huyện TL, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Sơn A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số AB ấp TX, xã HT, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Ông Bùi Thế T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp TTA, xã TrT, huyện TL, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Sơn A trình bày: Bà và ông Bùi Thế T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến giữa năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng từ đó không hòa hợp, thường xuyên cãi Nhau. Cả hai đã

không sống cùng Nhau từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Thế T. Về con chung, vợ chồng bà có 02 người con chung tên Bùi Ngọc Q, sinh ngày 06/5/2012 và Bùi Thế Th, sinh ngày 29/9/2016. Hiện nay cháu Q đang sống cùng bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q; Cháu Th đang sống cùng ông T, bà đồng ý giao cháu Th cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Thế T trình bày: Ông thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Sơn A, đồng ý ly hôn với bà Sơn A. Về con chung, ông T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Th và đồng ý giao cháu Q cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng ông không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Đồng thời, ông T yêu cầu giải quyết vắng mặt ông.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuA theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuA theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Sơn A đối với ông Bùi Thế T; Giao cháu Bùi Ngọc Q cho bà Nguyễn Thị Sơn A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Bùi Thế Th cho ông Bùi Thế T trực tiếp nuôi dưỡng. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Sơn A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Thế T có địa chỉ thường trú tại ấp Trường Tây A, xã Trường Thành, huyện TL, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân Dân huyện TL.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Sơn A và ông Bùi Thế T chung sống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn Nhân giữa bà A và ông T là tự nguyện và hợp pháp. Cả bà A và ông T đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và đã không sống cùng nhau từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Bà A yêu cầu được ly hôn và ông T thống nhất với yêu cầu này của bà A. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà A và ông T.

[3] Về con chung: Hiện nay bà A và ông T không sống cùng nhau, cháu Q đang sống cùng bà A và cháu Th đang sống cùng ông T. Bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q và ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu cũng như nhằm ổn định môi trường sống, đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý cho các cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà A và ông T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông T thống nhất xác định không có nợ chung và cũng không có tài sản chung. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phA tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn Nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án Nhân Dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn Nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Sơn A và ông Bùi Thế T.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Bùi Ngọc Q, sinh ngày 06/5/2012 cho bà Nguyễn Thị Sơn A trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Bùi Thế Th, sinh ngày 29/9/2016 cho ông Bùi Thế T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Bùi Thế T và bà Nguyễn Thị Sơn A có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Sơn A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004579 ngày 19/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TL được chuyển thu án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự**;**
- TANDTPCT;
- VKSND huyện TL;
- Cơ quan THA huyện TL;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Ngọc Diễm